

**TÓM TẮT TÌNH HÌNH MÔI TRƯỜNG  
KHÔNG KHÍ VÀ NƯỚC THÁNG IX - 1997**

**1. Môi trường không khí (Bụi và nước mưa)**

Trạm Yếu tố	Cúc Phương (1)	Hà Nội (Láng) (2)	Việt Trì (3)	Đà Nẵng (4)	T. p Hồ Chí Minh (5)
Bụi lắng tổng cộng (Tấn/km <sup>2</sup> .tháng)			3,86	16,63	
pH	7,0	6,6	6,0		6,0
Độ dẫn điện (μS/cm)	54,2	51,7	8,7		85,0
NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (mg/l)	1,87	0,54	0,29	0,10	0,50
NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	0,13	0,13	0,24	0,35	
SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> (mg/l)	3,84	6,46	2,92	7,00	
Cl <sup>-</sup> (mg/l)	1,31	3,47	0,26		2,50
K <sup>+</sup> (mg/l)	0,78	0,48	0,15		
Na <sup>+</sup> (mg/l)	0,48	3,70	0,08		
Ca <sup>2+</sup> (mg/l)	0,64	0,40	0,12		0,20
Mg <sup>2+</sup> (mg/l)	1,41	1,36	0,41		0,20
HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (mg/l)		4,27			6,10

**2. Môi trường nước**

**2.1. Nước sông - hồ chứa**

Trạm Yếu tố	Yên Bái (6)	Hà Nội (7)	Bến Bình (8)	Biên Hoà (9)	Nhà Bè (10)	Hoà Bình (11)	Trị An (12)
Sông	Hồng	Hồng	Kinh Thây	Đồng Nai	Sài Gòn	Hồ Hoà Bình	Hồ Trị An
Nhiệt độ (°C)	28,0	27,7	28,9	28,8	29,0	30,4	30,3
Tổng sắt (mg/l)	0,16	0,16	0,15	0,55	0,48	0,13	0,48
SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> (mg/l)	6,00	5,60	4,80	1,80	11,70	5,20	3,70
Cl <sup>-</sup> (mg/l)	2,06	1,24	1,65	2,80	23,70	0,99	4,80
HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	91,53	91,53	106,78	23,20	34,20	106,78	26,8
Độ kiềm (me/l)	1,500	1,500	1,750	0,380	0,560	1,750	0,440
Độ cứng (me/l)	1,423	1,441	1,681	0,170	0,360	1,698	0,216
Ca <sup>2+</sup> (mg/l)	22,69	22,34	27,15	0,60	2,10	27,50	1,70
Mg <sup>2+</sup> (mg/l)	3,54	3,96	3,96	1,70	3,00	3,96	1,60
Si (mg/l)	5,21	5,43	5,14	1,60	1,40	5,10	1,40

2.2. Nước biển

Trạm	Hòn Dấu (13)	Bãi Cháy	Sơn Trà (14)	Vũng Tàu (15)
Nhiệt độ (°C)	30,0-30,8		29,7-29,8	28,6
NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (mg/l)	0,148-0,105	Chưa nhận được mẫu tháng 3 năm 1997		0,03
NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	0,245-0,225		1,11-0,80	0,03
NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	0,027-0,014		0,04-0,04	0,02
PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (mg/l)	0,135-0,100		0,007-0,008	0,05
Si (mg/l)	1,379-1,224		0,561-0,701	0,50
Cu (mg/l)	0,0037-0,0030			0,002
Pb (mg/l)	0,0029-0,0024			0,004
pH	7,4-7,2			7,1
Độ mặn (o/oo)			20,9-21,7	27,01

**Chú thích:**

- (1) Mưa trận từ 1h10 đến 2h10 ngày 3-9-1997 ở Trạm khí tượng Cúc Phương ( pH đo tại Phòng thí nghiệm sau khi nhận được mẫu)
- (2) Mưa từ 15h00 ngày 30-8 đến 8h00 ngày 3-9-1997 ở Trạm khí tượng Láng (pH đo tại Phòng thí nghiệm sau khi nhận được mẫu)
- (3) Mưa tổng cộng từ ngày 01- 9 đến ngày 10-9-1997 ở Trạm khí tượng Việt Trì ( pH đo tại Phòng thí nghiệm sau khi nhận được mẫu)
- (4) Mưa tổng cộng từ ngày 01 đến ngày 10-9-1997 ở Trạm khí tượng Đà Nẵng.
- (5) Mưa tổng cộng tuần I tháng 9 năm 1997 ở Trạm khí tượng Tân Sơn Hoà (6,7,8,9,10). Mẫu lấy tại trạm thủy văn lúc 7h00 ngày 15-9-1997.
- (11,12) Mẫu lấy ở đập lúc 7h00 ngày 15-9-1997.
- (13) Số đầu ứng với kỳ triều kém (7h00, ngày 15-9-1997), ở độ sâu 50cm; số sau ứng với kỳ triều cường (16h00, ngày 14-9-1997) ở độ sâu 50cm
- (14) Số đầu ứng với kỳ triều kém (16h40, ngày 16-9-1997) ở tầng mặt ; số sau ứng với kỳ triều cường ( 9h30, ngày 16-9-1997) ở tầng mặt.
- (15) Lấy mẫu lúc 7h00 ngày 15-9-1997.

**NỒNG ĐỘ GIỚI HẠN CHO PHÉP**

(Trích trong "Các tiêu chuẩn Nhà nước Việt Nam về môi trường", 1995)

1. Tiêu chuẩn chất lượng nước mặt (TCVN 5942 - 1995):

Tổng sắt - loại A (1mg/l), loại B (2mg/l)

2. Tiêu chuẩn chất lượng nước biển ven bờ (TCVN 5943 - 1995)

TT	Thông số	Đơn vị	GTGH bãi tắm	GTGH nuôi thủy sản	GTGH các nơi khác
1	Amoniác (tính theo N)	mg/l	0,1	0,5	0,5
2	Đồng	mg/l	0,02	0,01	0,02
3	Chì	mg/l	0,1	0,05	0,1

**Nhận xét:**

\*Môi trường không khí: Tháng 9 là thời kỳ mùa mưa, hàm lượng các chất trong nước mưa tương đối thấp so với mùa khô; hàm lượng NH<sub>4</sub><sup>+</sup> ở trạm Cúc Phương, Láng khá cao; clorua ở trạm Láng khá cao; bụi lắng tổng cộng trạm Đà Nẵng cao.

\* Môi trường nước : Hàm lượng các chất trong nước sông- hồ chứa thấp hơn so với các trị số tương ứng trong thời kỳ mùa khô. Hàm lượng các chất trong nước biển thấp hơn trong mùa khô do mưa nhiều, lượng nước chảy ra biển lớn